

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 27

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Cháo tôm tươi, khoai lang, củ dền, cải ngọt
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng - Thịt ba chỉ kho trứng cút, nước dừa - Canh khoai tây, cà rốt nấu tôm khô, nấm kim châm
Xế: Sữa chua
Xế Chiều: Phở thịt bò, hành tây, bắp mỹ, nấm bào ngư, giá, rau xà lách
- NT Nhóm 2: Cháo thịt bò Cải ngồng

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	250	6,280	15,700
2	0494	Đường cát	200	3,780	7,560
3	N0966	Muối lot	100	740	740
4	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	200	4,180	8,360
5	0004	Gạo tẻ máy	1,800	2,560	46,080
6	0120	Hành lá (hành hoa)	50	5,360	2,680
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,820	4,410
8	0424	Tôm sú	300	30,980	92,940
9	0031	Khoai lang	200	4,100	8,200
10	N0795	Củ dền	200	4,940	9,880
11	0190	Cải ngọt	100	4,620	4,620
12	0300	Thịt ba chỉ (nửa nạc, nửa mỡ)	600	21,320	127,920
13	0446	Trứng cút	600	13,000	78,000
14	0537	Nước dừa non tươi	500	3,890	19,450
15	0037	Khoai tây	200	3,890	7,780
16	0089	Cà rốt	200	5,780	11,560
17	N0965	Nấm kim châm	100	10,610	10,610
18	0426	Tôm khô	100	78,100	78,100
19	0645	Bánh phở khô	200	8,800	17,600
20	0286	Thịt bò loại II	500	36,750	183,750
21	0121	Hành tây	100	3,570	3,570
22	0007	Ngô bắp tươi	200	3,990	7,980
23	N0778	Nấm bào ngư	100	12,920	12,920
24	0118	Giá đậu xanh	100	2,520	2,520
25	0172	Rau xà lách	100	5,460	5,460

26	0457	Sữa bột toàn phần	529.08	19,500	103,171
27	0455	Sữa chua	1,350	9,440	127,440
Tổng cộng					999,001

Tổng tiền thực phẩm	999,001
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	999,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	-1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	8,695,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	8,695,001

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan